PIONEER SHIPBROKERS CO., LTD.

(A MEMBER OF THE VIETNAM SHIPOWNER'S ASSOCIATION)

SHIP SALE & PURCHASE – CHARTERING – SHIP EVALUATION

No.32, Ngan Long villas, Nguyen Huu Tho Street, Nha Be District, HCMC

Tel: 028-38817289

www.pioneershipbrokers.com.vn

Nhằm phục vụ nhu cầu của khách hàng và cập nhật thông tin thị trường ngày càng tốt hơn, công ty môi giới hàng hải Tiên Phong (Pioneer Shipbrokers) giới thiệu đến quý khác hàng ứng dụng ***Pioneer Shipbrokers*** *có trên* ***iOS và Android,*** *công cụ hữu ích cho khách hàng quan tâm lĩnh vực mua bán tàu biển và thông tin thị trường*

TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

TUẦN 40/2022

(04/10/2022 – 10/10/2022)

1. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÃ QUA SỬ DỤNG:

Ở mảng tàu hàng khô, chỉ số BDI tuần qua có lúc lên đến 1.996 điểm (05/10), sau đó giảm dần và hiện ghi nhận mức 1.944 điểm, cao hơn tuần trước 201 điểm. Thị trường Châu Á-Thái Bình Dương phần nào kém nhộn nhịp do Trung Quốc có kỳ nghỉ "Tuần lễ Vàng" nhưng nhìn chung cước các phân khúc đều tăng. Riêng cước phân khúc Capesize và Panamax hiện nay đã hồi phục nhanh chóng và cao hơn thời điểm cuối tháng 07/2022. Ở phân khúc tàu 32k già, tàu ***Anacapa Light*** (32.131 dwt, đóng 2005 Nhật, hầm hàng hộp, đã lắp hệ thống xử lý nước dằn, DD 08/2023, SS 07/2025) bán với giá khoảng 12,4 triệu đô la Mỹ. Được biết vào tháng 4/2022 tàu được chốt giá 14,1 triệu đô la Mỹ cho người mua Trung Quốc song thương vụ không thành công. Một tàu 32k dwt khác là ***Promise 2*** (32.041 dwt, đóng 2010 Hàn Quốc, đã lắp hệ thống xử lý nước dằn, DD 09/2023, SS 09/2025) bán với giá khoảng 13,8 triệu đô la Mỹ. Tháng 4/2022, tàu chị em ***Promise 3*** (32.312 dwt, đóng 2010 Hàn Quốc, hạn đà DD 04/2023, SS 10/2025) bán với giá khoảng 17,2 triệu đô la Mỹ. Như vậy, hiện tại giá đã giảm khoảng 24% và giá tàu ***Promise 2*** được xem là mốc tham chiếu mới. Cách đây 2 tuần, mốc tham chiếu cho dạng tàu này rơi vào khoảng 15 triệu đô la Mỹ với thương vụ bán tàu ***Ortolan Alpha Strait*** (34.126 dwt, đóng 2010 Hàn Quốc, hạn đà DD 05/2023, SS 08/2025). Vào ngày Đại hội Đảng của Trung Quốc 16/10 sắp tới, nếu phương án nới lỏng chính sách Zero-Covid (điều đang gây kiềm hãm kinh tế Trung Quốc) được thông qua sẽ đẩy mạnh hoạt động sản xuất, xây dựng và nhờ đó thị trường cuối năm có thể khởi sắc hơn.

Ở mảng tàu dầu, cước thuê tàu đang giảm nên các chỉ số tàu dầu như BDTI, BCTI đều giảm. Viễn cảnh "thị trường suy thoái" đang dần hiện rõ hơn. Đặc biệt các nước Châu Âu sắp đối mặt với "mùa đông lạnh nhất" trong cuộc khủng hoảng năng lượng khi OPEC đồng ý cắt giảm sản lượng 2 triệu thùng dầu/ngày, mức cắt giảm cao nhất kể từ năm 2020. Việc OPEC giảm sản lượng và kể cả cường quốc khí đốt-dầu mỏ như Nga cũng cắt giảm sản lượng bởi các lệnh trừng phạt có thể khiến giá dầu thô lại vượt mức 100 đô la Mỹ/thùng vào cuối năm nay. Hiện nay tuy cước đã giảm rõ rệt, song giá tàu vẫn chưa giảm nhiều nên Người mua cần chờ đợi và quan sát thị trường thêm một thời gian nữa. Tuần 39 tàu chemical ***High Mars*** (51.543 dwt, đóng 2008 Hàn, đã lắp hệ thống xử lý nước dằn, hạn đà DD/SS 04/2023) được báo cáo bán với giá khoảng 18 triệu đô la Mỹ song không thành công, tuần qua lại tiếp tục thất bại ở mức 20,5 triệu đô la Mỹ do thị trường biến động. Ở phân khúc 45k dwt, tàu già ***Aurora Express*** (45.770, đóng 2002 Nhật, hạn đà 11/2022) bán với giá khoảng 10 triệu đô la Mỹ. Vào thời điểm thị trường chưa kịp sốt là tháng 05/2022, tàu tương tự ***Sanmar Soprano*** (45.861 dwt, đóng 2002 Nhật, hạn đà lúc bán 05/2022) bán với giá chỉ khoảng 6,1 triệu đô la Mỹ. Tàu chemical ***Jo Ask*** (47.128 dwt, đóng 2007 Hàn Quốc, DD 10/2024, SS 11/2026) bán với giá khoảng 20,5 triệu đô la Mỹ. Cách đây một tháng tàu chemical tương tự ***Hyde*** (46.858 dwt, đóng 2007 Hàn Quốc, hạn đà 10/2022) bán với giá khoảng 22,65 triệu đô la Mỹ, cao hơn giá tàu ***Jo Ask*** 2,15 triệu tương

ứng 10,5%. Nếu tình hình cước thuê tàu chuyến tiếp tục giảm vào tuần sau thì khả năng thị trường mua bán tàu dầu sẽ được điều chỉnh đáng kể.

Name	Blt Year	Blt Place	Dwt	Price M.USD	Buyers	Comment
			BULKERS			
Agia Trias	2002	Japan	185,820	15.50	Turkish, Beks Shipping	DD/SS due 01/2023
Shinyo Guardian	2005	Japan	177,216	17.25	Turkish, Beks Shipping	BWTS fitted, DD 08/2023, SS 11/2024
Lila Nantong	2003	Japan	171,009	16.00	Undisclosed	DD/SS 03/2023
Nord Biscay	2019	Japan	62,625	32.50	Undisclosed	BWTS & Scrubber fitted, DD/SS 03/2024
Berge Tronador	2020	China	61,087	33.30	Greek	BWTS & Scrubber fitted, DD 04/2023, SS 04/2025
Teresa Oetker	2010	China	58,018	16.00	Greek	***Previous sale in 08/2022 failed at USD 17.25M,*** DD 10/2023, SS 11/2025
Ocean Adventure	2015	Japan	57,814	23.75	Undisclosed	BWTS fitted, DD 01/2024, SS 01/2025
Corinthian Emerald	2012	Korea	57,592	20.50	Undisclosed	BWTS fitted, DD 05/2025, SS 05/2027
Cas Avanca	2009	Hyundai-Vinashin, Vietnam	55,561	14.30	Undisclosed	DD due 11/2022, SS 10/2024
Nordic Oslo	2012	China	35,866	18.00	Undisclosed	DD 07/2025, SS 05/2027, Norwegian owner
Lodestar Pacific	2015	Japan	33,393	19.80	Greek, Evalend Shipping	OHBS, BWTS fitted, DD 06/2023, SS 03/2025
Ansac Christine Nancy	2013	Japan	32,836	17.10	Undisclosed	BWTS fitted, DD 08/2023, SS 09/2025
Anacapa Light	2005	Japan	32,131	12.40	Turkish	OHBS, BWTS fitted, DD 08/2023, SS 07/2025
Promise 2	2010	Korea	32,041	13.80	Undisclosed	BWTS fitted, DD 09/2023, SS 09/2025
Harmony SW	2008	Japan	12,616	7.25	Turkish, Arif	Old sale, DD/SS due 01/2023
			TANKERS			
Princess Mary	2004	Japan	306,206	48.00	Undisclosed	BWTS fitted, DD/SS freshly passed, next DD 01/2025, SS 01/2027
Cap Guillaume	2006	Korea	158,889	35.00	Undisclosed	BWTS & Scrubber fitted, ice class, DD 12/2024, SS 09/2026
Sea Legend	2008	Korea	112,511	Undisclosed	Undisclosed	DD/SS 12/2023
Northern Ocean	2005	Korea	50,922	19.00	Undisclosed	BWTS fited, chemical IMO II, epoxy phenolic coated, ice class, DD 09/2023, SS 05/2025
Jo Ask	2007	Korea	47,128	20.50	Middle Eastern	BWTS fitted, chemical IMO II/III, epoxy coated, DD 10/2024, SS 11/2026

Energy Progress	2008	Korea	46,606	20.00	Middle Eastern	Chemical IMO II, epoxy phenolic coated, DD/SS 07/2023
Energy Puma	2008	Korea	46,549	20.00		Chemical IMO II, epoxy phenolic coated, DD 08/2023, SS 11/2023
Aurora Express	2002	Japan	45,770	10.00	Undisclosed	DD/SS postponed 11/2022
Synergy	2020	China	34,820	31.00	Undisclosed	Shallow draft, BWTS fitted, chemical IMO III, epoxy phenolic coated, M/E WinGD, DD 01/2023, SS 01/2025, Singaporean owner
Leon Herc	2008	Korea	17,568	9.00	Greek	Chemical IMO II, epoxy phenolic coated, DD/SS 10/2023
CONTAINER						
Genova	2007	China	50,532	45.00	Undisclosed	4235 teu, BWTS & Scrubber fitted, DD 04/2025, SS 04/2027
X-Press Makalu	2008	Poland	38,616	25.00	MSC	2714 teu, ice class, DD/SS 03/2023
JSP Titan	1996	Germany	14,587	5.80	Undisclosed	Incl TC attached at US 12k pd until 06/2023, 1122 teu, fully cellular, CR 2X40T, M/E Sulzer, DD 06/2024, SS 08/2026
Sunny Lotus	2013	Korea	12,581	15.50	Korean	1048 teu, fully cellular, gearless, BWTS fitted, DD/SS 04/2023
AS Laetitia	2007	China	11,850	16.00	Undisclosed	957 teu, fully cellular, CR 2X45T, DD/SS due 10/2022, Dutch owner
OTHERS						
Progress	2009	Korea	58,560	50.00	Foresight Group	LPG, 80793 cbm, BWTS fitted, DD/SS 01/2024
Clipper	1992	Japan	56,864	15.00	Far Eastern	LPG, 76978 cbm, M/E Sulzer, DD 09/2025, SS 03/2027
Gas Tigers	2016	Korea	54,675	63.00	Swisschem	LPG, 82461 cbm, bss forward delivery, BWTS fitted, DD 06/2024, SS 05/2026
Gas Grouper	2009	Korea	26,416	32.00	Undisclosed	LPG, 34574 cbm, BWTS fitted, DD/SS 06/2024
Mangusta	2022	Korea	29,918	59.50	US Green Energy Fund	LPG 39200 cbm, TC attached to KOCH

Bảng minh họa giá trị tàu đã qua sử dụng cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật):

Giá trị tàu hàng khô (đv: triệu đô la Mỹ)		Ngày 07/10	Ngày 02/09	±%	Trong 5 năm qua Thấp nhất	TB	Cao nhất
CAPESIZE							
180k dwt	Resale	57.50	59.50	-3.4	36.0	51.8	63.5
180k dwt	5 tuổi	47.50	49.50	-4.0	24.0	35.4	53.5
170k dwt	10 tuổi	30.50	32.00	-4.7	15.0	25.4	37.5
150k dwt	15 tuổi	19.50	20.50	-4.9	8.0	16.1	24.5
PANAMAX							
82k dwt	Resale	38.50	39.50	-2.5	24.5	32.9	45.0
82k dwt	5 tuổi	31.50	33.00	-4.5	15.5	25.7	38.5
76k dwt	10 tuổi	22.75	24.50	-7.1	8.5	17.0	29.5
74k dwt	15 tuổi	16.00	17.00	-5.9	5.3	11.4	19.8
SUPRAMAX							
62k dwt	Resale	38.00	39.00	-2.6	22.0	30.4	42.5
58k dwt	5 tuổi	30.00	31.00	-3.2	13.5	20.4	34.5
56k dwt	10 tuổi	21.50	22.00	-2.3	9.0	15.1	24.5
52k dwt	15 tuổi	15.75	17.00	-7.4	5.5	10.5	19.0
HANDYSIZE							
37k dwt	Resale	31.00	32.00	-3.1	17.5	24.8	34.0
37k dwt	5 tuổi	26.50	27.50	-3.6	12.0	18.3	29.5
32k dwt	10 tuổi	18.50	19.00	-2.6	6.5	11.9	21.0
28k dwt	15 tuổi	11.50	12.00	-4.2	3.8	7.3	15.0

Giá trị tàu dầu (đv: triệu đô la Mỹ)		Ngày 07/10	Ngày 02/09	±%	Trong 5 năm qua Thấp nhất	TB	Cao nhất
VLCC							
310k dwt	Resale	117.00	113.00	3.5	82.0	93.6	117.0
310k dwt	5 tuổi	88.50	85.50	4.7	62.0	69.4	88.5
250k dwt	10 tuổi	65.50	58.50	12.0	38.0	46.6	64.5
250k dwt	15 tuổi	51.50	42.50	21.2	21.5	31.3	47.5
SUEZMAX							
160k dwt	Resale	83.00	80.00	3.8	54.0	64.3	83.0
150k dwt	5 tuổi	62.50	59.50	5.0	40.0	47.5	62.5
150k dwt	10 tuổi	45.50	43.00	5.8	25.0	32.1	45.5
150k dwt	15 tuổi	30.00	28.00	7.1	16.0	19.4	30.0
AFRAMAX							
110k dwt	Resale	73.00	70.00	4.3	43.5	51.4	73.0
110k dwt	5 tuổi	57.50	54.50	5.5	29.5	37.3	57.5
105k dwt	10 tuổi	42.50	39.50	7.6	18.0	24.8	42.5
105k dwt	15 tuổi	28.00	26.50	5.7	11.0	15.2	28.0
MR							
52k dwt	Resale	47.50	47.50	0.0	33.0	37.8	47.5
52k dwt	5 tuổi	40.50	40.50	0.0	23.0	28.2	40.5
45k dwt	10 tuổi	29.50	29.50	0.0	14.5	18.6	29.5
45k dwt	15 tuổi	20.50	19.50	5.1	9.0	11.5	19.5

2. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÓNG MỚI:

Bảng minh họa giá tàu đóng mới cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật)

Giá tàu hàng khô đóng mới (đv: triệu đô la Mỹ)	Ngày 07/10	Ngày 02/09	±%	Trong 5 năm qua Thấp nhất	TB	Cao nhất
TÀU HÀNG KHÔ						
Capesize (180.000 dwt)	65.5	65.5	0.0	41.8	51.7	65.5
K.sarmax (82.000 dwt)	40.0	40.0	0.0	24.3	31.6	40.0
P.max (77.000 dwt)	37.5	37.5	0.0	23.8	30.2	37.5
Ultramax (64.000 dwt)	37.5	37.5	0.0	22.3	29.4	37.5
Handysize (37.000 dwt)	34.5	34.5	0.0	19.5	25.7	34.5
TÀU CONTAINER						
Post P.max (9.000 teu)	147.0	140.0	5.0	83.0	96.8	147.0
P.max (5.200 teu)	80.0	76.0	5.3	42.5	54.4	80.0
Sub P.max (2.5000 teu)	43.0	41.0	4.9	26.0	32.4	43.0
Feeder (1.700 teu)	33.0	31.0	6.5	18.6	24.3	33.0

Giá tàu dầu đóng mới (đv: triệu đô la Mỹ)	Ngày 07/10	Ngày 02/09	±%	Trong 5 năm qua Thấp nhất	TB	Cao nhất
TÀU DẦU						
VLCC (300.000 dwt)	120.0	120.0	0.0	80.0	93.9	120.0
S.max (170.000 dwt)	82.0	82.0	0.0	53.0	62.7	82.0
A.max (115.000 dwt)	65.0	65.0	0.0	43.0	51.0	65.0
LR1 (75.000 dwt)	60.0	60.0	0.0	42.0	48.2	60.0
MR (56.000 dwt)	44.0	44.0	0.0	32.5	36.7	44.0
TÀU GAS						
LNG (175k cbm)	245.0	235.0	4.3	180.0	191.9	245.0
LPG LGC (80k cbm)	88.0	86.0	2.3	70.0	72.7	88.0
LPG MGC (55k cbm)	79.0	77.0	2.6	62.0	64.8	79.0
LPG SGC (25k cbm)	53.2	52.0	2.9	40.0	43.6	53.5

3. THỊ TRƯỜNG THUÊ TÀU

3.1. Thị trường thuê tàu hàng khô:

Thị trường ở Thái Bình Dương tuần qua có ít hoạt động được ghi nhận do kỳ nghỉ "Tuần lễ Vàng" - kỷ niệm Quốc khánh ở Trung Quốc. Cước trung bình phân khúc **Ultramax** và **Supramax** đóng cửa ở mức 18.763 đô la Mỹ, tăng 471 đô la Mỹ so với mức 18.292 đô la Mỹ của tuần trước. Có tin Novic chốt tàu ***Ultra Dwarka*** (61.395 dwt, đóng 2012) đi từ Putian, Trung Quốc (04-05/10) qua Indonesia và trả tàu ở Trung Quốc với giá khoảng 16.750 đô la Mỹ, cùng lúc có tàu ***Arch Michael*** (63.628 dwt, đóng 2015) được chốt đi từ Tianjin, Trung Quốc đến Bờ Tây Ấn Độ với giá khoảng 18.000 đô la Mỹ. Một tàu khoảng hơn 60.000 dwt được chốt chuyến backhaul từ Đài Loan đến Continent với giá khoảng 20.000 đô la Mỹ. Ở Continent, tàu ***Alkyoni*** (55.830 dwt, đóng 2012) được chốt đi từ khu vực Amsterdam-Rotterdam-Antwerp-Gent đến Narvik với giá

khoảng 16.500 đô la Mỹ. Ở mảng thuê định hạn, có tin tàu ***Peace Hope*** (58.092 dwt, đóng 2010) neo ở Ciwandan được cho thuê từ 4-6 tháng với giá khoảng 19.000 đô la Mỹ.

Thị trường ở Đại Tây Dương trong tuần qua rất tích cực, điều này giúp cước trung bình phân khúc **Handies** đóng cửa ở mức 18.588 đô la Mỹ, tăng 429 đô la Mỹ so với mức 18.159 đô la Mỹ. Trong khi đó, thị trường Thái Bình Dương không có nhiều hoạt động do Trung Quốc nghỉ lễ một tuần. Các chủ tàu ở khu vực Viễn Đông định giá cước các chuyến backhaul khoảng 17.000-20.000 đô la Mỹ. Cả hai thị trường Continent và Địa Trung Hải điều lần lượt tăng mạnh nhờ lượng xuất khẩu ngũ cốc ở Nam Mỹ tăng bởi đang là mùa thu hoạch cũng như sự "quen thuộc" với các chuyến tàu vào Biển Đen. Tính từ khi thỏa thuận 01/08 (thỏa thuận xuất khẩu ngũ cốc Nga-Ukraine do Liên Hợp Quốc làm trung gian) có hiệu lực đến nay, đã có hơn 260 tàu tương đương hơn 6 triệu tấn ngũ cốc đã rời cảng. Tàu ***Meshka*** (35.829 dwt, đóng 2011) được chốt chở hàng rời từ Continent đến phía Tây Địa Trung Hải với giá khoảng 17.000 đô la Mỹ. Một tàu khoảng 28.000 dwt đóng ở Imabari được chốt chở hàng rời từ Antwerp đến Morocco với giá khoảng 17.500 đô la Mỹ. Các tàu chở than có trọng tải tương tự có cước khoảng 20.000 đô la Mỹ đối với các chuyến vào Continent. Ở Địa Trung Hải, một tàu khoảng 35.000 dwt được chốt chở hàng rời từ phía Tây Địa Trung Hải, qua Biển Đen đến Hoa Kỳ với giá khoảng 19.000-20.000 đô la Mỹ. Tàu ***Elpis*** (34.329 dwt, đóng 2012) neo ở Ashdod, đi về phía Đông với giá khoảng 17.000-20.000 đô la Mỹ. Cước khu vực Vịnh Hoa Kỳ vẫn tích cực, giữ mức 15.000 đô la Mỹ trở lên với các chuyến xuyên Đại Tây Dương. Cước ở Nam Mỹ lại lần nữa được ghi nhận cao nhất. Tàu ***Lignum Grid*** (41.963 dwt, đóng 2022) neo ở Sao Sebastiao được AEC chốt đi qua Recalada và trả tàu ở Bắc Brazil với giá khoảng 43.000 đô la Mỹ. Tàu ***Strategic Harmony*** (39.880 dwt, đóng 2014) neo ở Santos được chốt giao tàu ngay, đến Địa Trung Hải với giá khoảng 32.000-33.000 đô la Mỹ. Cước ở Châu Á giảm do ít nhu cầu chở hàng trong "tuần lễ vàng của Trung Quốc" vừa qua. Một tàu 28.000 dwt neo ở Hong Kong được chốt một chuyến khứ hồi đến Úc với giá khoảng 14.500 đô la Mỹ. Tàu ***Ever Brilliant*** (28.367 dwt, đóng 2009) chốt chuyến tương tự, trả tàu ở Viễn Đông. Tàu ***Ionic Hawk*** (34.067 dwt, đóng 2012) được J. Lauritzen chốt đi từ Samalaju, qua phía Tây nước Úc và trả tàu ở khu vực Singapore-Nhật Bản với giá khoảng 15.000 đô la Mỹ. Tàu ***Gabriella*** (36.892 dwt, đóng 2013) neo ở Rizhao được Ultrabulk chốt đến Vịnh Hoa Kỳ với giá khoảng 18.500 đô la Mỹ. Ở phía Bờ Tây, tàu ***Eco Splendor*** (38.302 dwt, đóng 2013) được chốt đi từ Vancouver đến Nhật Bản với giá khoảng 19.000 đô la Mỹ. Ở mảng thuê định hạn bắt đầu có dấu hiệu tăng, tàu ***Bunun Dynasty*** (37.795 dwt, đóng 2014) neo ở Trung Quốc được thuê khoảng 11-13 tháng với giá khoảng 108% chỉ số Baltic Handysize (BHSI) - giá cước trung bình phân khúc Handies và tàu ***AC Splendor*** (32.739 dwt, đóng 2005) neo tại Malaysia được chốt chở 2/3 tải trọng với giá khoảng 15.300 đô la Mỹ.

Bảng tham khảo cước một số khu vực trên thế giới trong Tuần 40/2022 vừa qua:

RATES/PANAMAX (USD/DAY, USD/TON)	TUẦN 40	TUẦN 39	Mức thấp nhất năm 2022 (cập nhật tới Tuần 40)	Mức cao nhất năm 2022 (cập nhật tới Tuần 40)
TRANSATLANTIC RV	20,140	18,345	9,005	30,505
TCT CONT/F.EAST	30,182	27,973	17,132	40,768
TCT F.EAST/CONT	14,120	13,357	9,034	26,255
TCT F.EAST RV	17,606	16,350	12,573	32,888
RATES/SUPRAMAX (USD/DAY)				
ATLANTIC RV	20,550	19,120	15,304	33,992
PACIFIC RV	15,900	15,971	15,143	35,250
TCT CONT/F.EAST	22,046	19,904	17,917	32,588

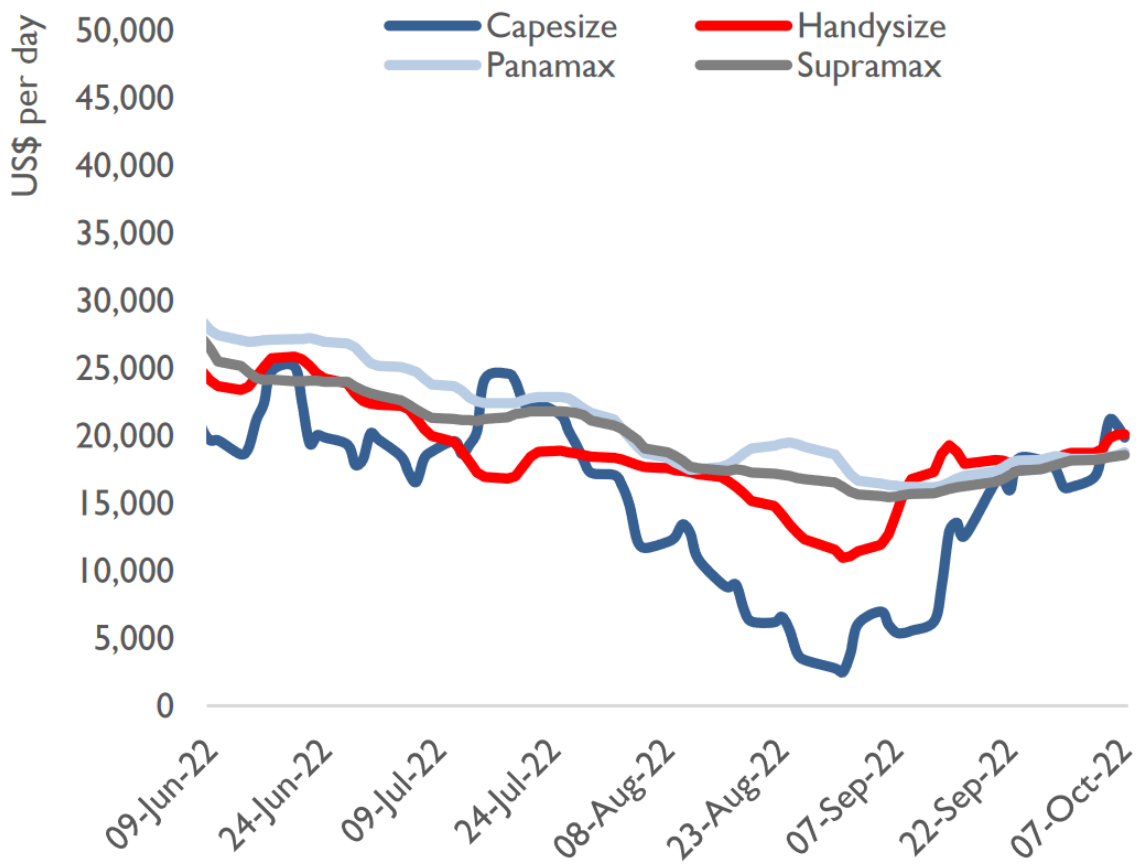

CHỈ SỐ TÀU THỊ TRƯỜNG HÀNG KHÔ

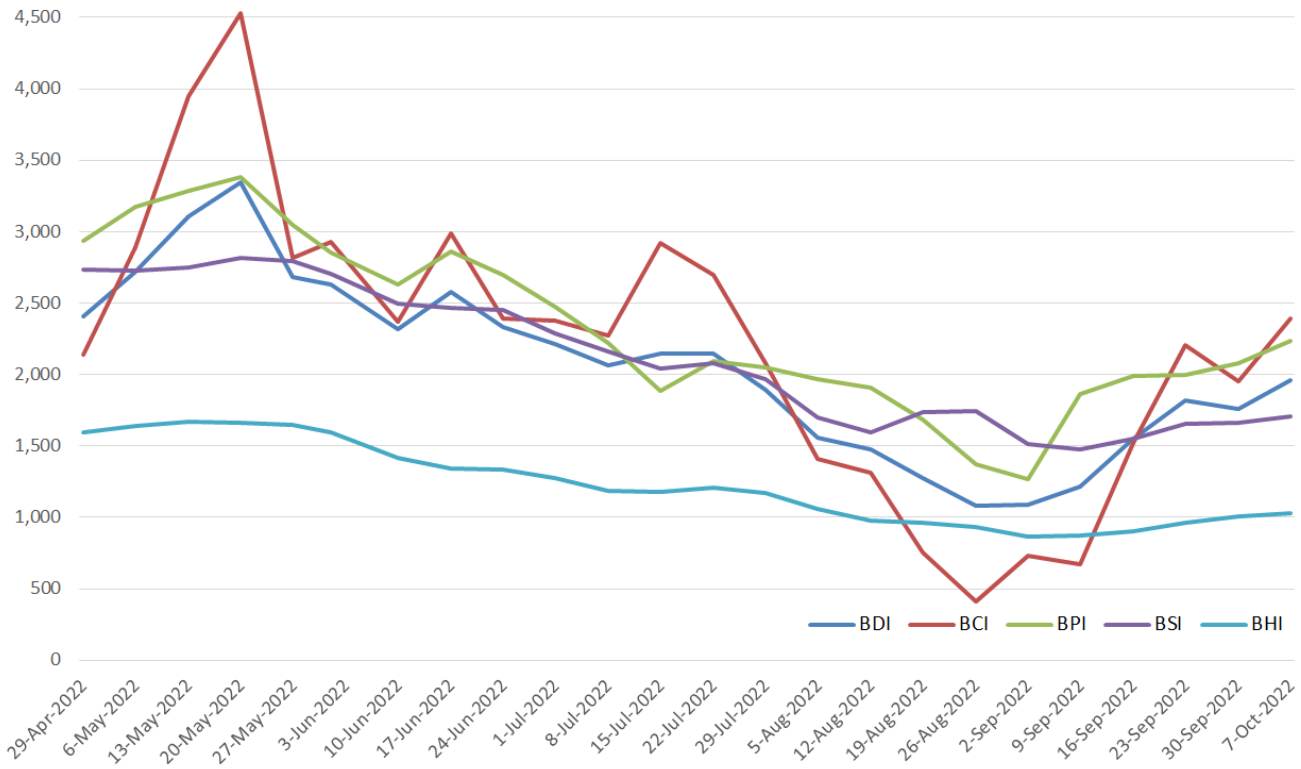

3.2. Thị trường thuê tàu dầu:

Ở phân khúc thuê tàu dầu, Trafigura chốt thuê tàu ***Desh Viraat*** (320.412 dwt, đóng 2008 Hàn Quốc) trong vòng 6 tháng với giá khoảng 38.500 đô la Mỹ. Vitol chốt thuê tàu ***Aquahonor*** (155.747 dwt, đóng 2022 Hàn Quốc) trong 1-3 tháng với giá khoảng 65.000 đô la Mỹ. Tàu ***Jasmin Joy*** (104.604 dwt, đóng 2009 Nhật) được Navig8 chốt thuê với giá khoảng 32.000 đô la Mỹ trong vòng 18 tháng. Tàu ***Cielo Di Cagliari*** (79.999 dwt, đóng 2018 Hyundai Vinashin, Việt Nam) được Total chốt thuê 12 tháng với giá khoảng 43.000 đô la Mỹ. Cuối cùng là tàu ***Yasa Seagull*** (49.999 dwt, đóng 2017 Hàn Quốc) được chốt với giá khoảng 38.000 đô la Mỹ trong vòng 6 tháng.

Bảng minh họa giá thuê tàu định hạn cập nhật theo số liệu gần nhất (US$/ngày):

	Giá thuê tàu định hạn tuần 40			Giá thuê tàu định hạn tuần 39		
	1 NĂM	3 NĂM	5 NĂM	1 NĂM	3 NĂM	5 NĂM
VLCC	40,000	35,000	36,000	38,000	37,000	36,000
SUEZMAX	32,000	25,000	30,000	32,000	26,000	30,000
AFRAMAX	34,000	25,000	28,000	34,000	26,000	28,000
LR-2	34,500	29,000	30,000	36,000	29,000	30,000
LR-1	30,000	25,000	24,000	30,000	24,000	23,000
MR	26,000	19,000	19,000	25,500	20,000	20,000
HANDY	21,000	16,000	16,000	22,000	16,000	16,000

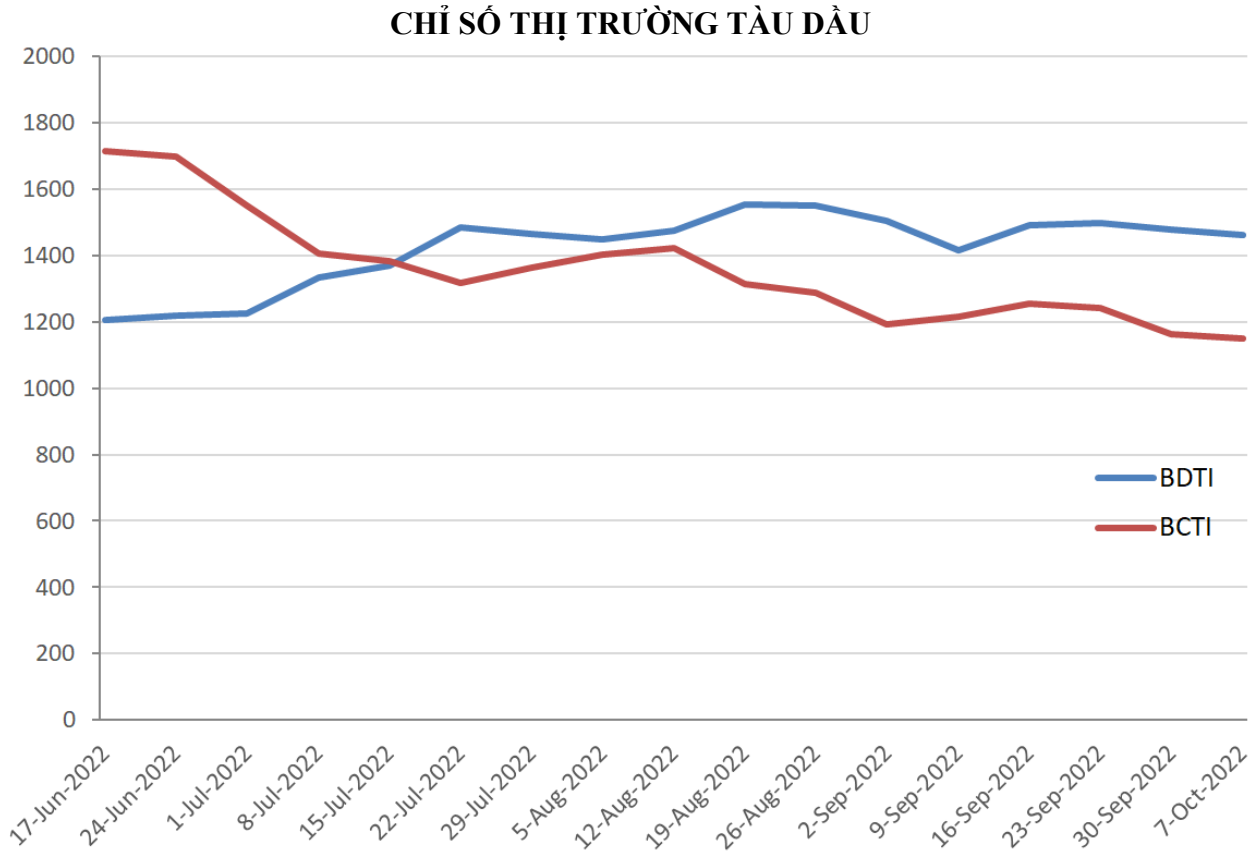

(Chú thích: BCTI - chỉ số cước vận tải tàu dầu thành phẩm, BDTI - chỉ số cước vận tải tàu dầu thô)

4. THỊ TRƯỜNG TÀU PHÁ DỠ

GIÁ PHÁ DỠ THAM KHẢO
(dành cho tàu có lt > 5.000)

Xếp loại	Giao tại	Tàu hàng rời		Tàu dầu	
		US$	▼/▲	US$	▼/▲
1	Bangladesh	570		580	
2	India	560		570	
3	Pakistan	550		560	
4	Turkey	240		250	

(đơn vị tính: usd/lt ldt. 1 lt = 1.017 mt ldt)

CÔNG TY MÔI GIỚI TÀU BIỂN TIÊN PHONG
PIONEER SHIPBROKERS
MUA – BÁN – THUÊ TÀU
Email: snp@pioneershipbrokers.com.vn

Các thông tin trên được chúng tôi tập hợp từ các nguồn thông tin khác nhau và chỉ mang tính tham khảo.
Chúng tôi không chịu trách nhiệm về bất cứ khiếu nại nào liên quan đến tính chính xác của các thông tin trên.